

Dự Thảo

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2020 quy định về Chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải sửa đổi một số Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28/4/2017 Quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển; Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 quy định về bảo trì công trình hàng hải; Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển; Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20/01/2020 quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải của Bộ Giao thông vận tải.

2. Quy định chung

Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển

Sửa đổi khoản 3 Điều 7 như sau:

“ Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo đại lý tàu biển

3. Hàng năm Các cơ sở đào tạo đại lý tàu biển có trách nhiệm cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển về Cục Hàng hải Việt Nam chi tiết báo cáo như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển;
- b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển;
- c) Đối tượng báo cáo: Các cơ sở đào tạo đại lý tàu biển;
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam
- e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;
- f) Tần suất gửi báo cáo: báo cáo 1 lần 1 năm
- g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 tháng 12 hàng năm.
- h) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Biểu Mẫu số 1-N ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải

1. Sửa Khoản 10, Điều 7 như sau:

“ Điều 7. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý

10. Quản lý, kiểm tra thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đã được phê duyệt:

Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất và tổ chức triển khai kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải được duyệt của các đơn vị và tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải về Bộ Giao thông vận tải, chi tiết báo cáo như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải.
- b) Nội dung báo cáo phải nêu được đầy đủ các thông tin sau: tên công trình, hạng mục công trình thực hiện; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được giao; đánh giá kết quả

thực hiện (theo kế hoạch được phê duyệt); đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác bảo trì công trình hàng hải.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải.

e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

f) Tần xuất gửi báo cáo: báo cáo 1 lần 1 năm

g) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 22 tháng 12 hàng năm;

h) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Biểu mẫu số 02 - N ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sửa đổi, Điều 19 như sau:

“ Điều 19. Báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải

1. Đối với công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý, Cục Hàng hải Việt Nam và người quản lý, khai thác, sử dụng báo cáo việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại *Khoản 1 Điều 4 Thông tư này*.

2. Đối với công trình hàng hải từ cấp II trở lên: chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền phải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam về kết quả thực hiện bảo trì công trình hàng hải và sự an toàn của công trình hàng hải. Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì và sự an toàn của công trình hàng hải

b) Nội dung báo cáo: Hạng mục công việc, khối lượng, phương thức thực hiện, mức độ hoàn thành, đánh giá sự an toàn của cầu, bến cảng, điều chỉnh so với kế hoạch.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền của công trình hàng hải từ cấp II trở lên; Cục Hàng hải Việt Nam.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải.

e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

f) Tần xuất gửi báo cáo: báo cáo 1 lần 1 năm

g) Thời hạn gửi báo cáo: Các chủ sở hữu gửi về Cục Hàng hải Việt Nam trước ngày 18 tháng 12 hàng năm; Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải chậm nhất vào ngày 22 tháng 12 hàng năm.

h) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Biểu mẫu số 02-N; Biểu mẫu số 03-N ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với công trình hàng hải cấp III, IV: Chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền phải báo cáo Sở Giao thông vận tải nơi có công trình về kết quả thực hiện bảo trì công trình hàng hải và sự an toàn của công trình hàng hải. Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì và sự an toàn của công trình hàng hải;

b) Nội dung báo cáo: Hạng mục công việc, khối lượng, phương thức thực hiện, mức độ hoàn thành, đánh giá sự an toàn của cầu, bến cảng, điều chỉnh so với kế hoạch;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền của công trình hàng hải từ cấp III, IV; Sở Giao thông vận tải.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Sở Giao thông vận tải, Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

f) Tần xuất gửi báo cáo: báo cáo 1 lần 1 năm

g) Thời hạn gửi báo cáo: Các chủ sở hữu gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 18 tháng 12 hàng năm; Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 22 tháng 12 hàng năm.

h) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Biểu mẫu số 04 - N ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Sửa đổi khoản 4, Điều 10

“ Điều 10. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải khu vực

4. Tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý theo quy định gửi Cục Hàng hải Việt Nam, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường lĩnh vực hàng hải;

b) Nội dung báo cáo: Kết quả thực hiện quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường lĩnh vực hàng hải;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Cảng vụ hàng hải;

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam;

e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

f) Tần xuất gửi báo cáo: báo cáo 1 lần 1 năm

f) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 18 tháng 12 hàng năm

e) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Biểu mẫu số 05-N ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sửa đổi khoản 3, Điều 11

“ Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng biển

3. Tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định gửi Cảng vụ hàng hải khu vực chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường lĩnh vực hàng hải;

b) Nội dung báo cáo: Kết quả thực hiện quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường lĩnh vực hàng hải;

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp cảng biển

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cảng vụ hàng hải;

e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

f) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 tháng 12 hàng năm

g) Tần xuất gửi báo cáo: Báo cáo 1 lần 1 năm

h) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Biểu mẫu số 05 - N ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải

Sửa đổi Điều 9.

“Điều 9. Báo cáo định kỳ

Cảng vụ hàng hải phải lập báo cáo bằng văn bản và gửi Cục Hàng hải Việt Nam và Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp lập báo cáo bằng văn bản và gửi Bộ Giao thông vận tải về các tai nạn hàng hải, chi tiết nội dung như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ các tai nạn hàng hải
- b) Nội dung báo cáo: Thông tin liên quan đến các tai nạn hàng hải trên biển (chi tiết *tại Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này*).
- c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Cảng vụ hàng hải, Cục Hàng hải Việt Nam;
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải.
- e) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;
- f) Thời hạn gửi báo cáo:
 - Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng: Cảng vụ hàng hải chậm nhất là ngày 18 tháng 6 hàng năm và Cục Hàng hải Việt Nam chậm nhất là ngày 22 tháng 6 hàng năm, báo cáo 6 tháng cuối năm được thay thế bằng báo cáo năm;
 - Thời hạn gửi báo cáo năm: Cảng vụ hàng hải chậm nhất ngày 18 tháng 12 hàng năm và Cục Hàng hải Việt Nam chậm nhất là ngày 22 tháng 12 hàng năm.
- g) Tần suất gửi báo cáo: báo cáo 1 lần 1 năm
- h) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Biểu mẫu số 05 - 6T/N ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 7 Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển.

2. Bãi bỏ khoản 10 Điều 7 và Điều 19 Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

3. Bãi bỏ khoản 4, Điều 10; khoản 3, Điều 11 Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

4. Bãi bỏ Điều 9 Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải

Điều 8. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VP (5).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

PHỤ LỤC
MẪU VĂN BẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGTVT ngày 14/11/2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Biểu số 01-N

Ngày nhận báo cáo:
Ngày 18 tháng 12 hàng năm

Đơn vị báo cáo:

Cơ sở đào tạo đại lý tàu biển

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO VÀ CHỨNG NHẬN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ

Kính gửi: ...(4).....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, ...(1)... kính báo cáo ...(4)... báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển...(2)... như sau:

1. Kết quả đào tạo nhân viên đại lý tàu biển
2. Tổng số giấy nhận đã cấp cho nhân viên đại lý tàu biển

Ghi chú:

- (1). Tên Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải khu vực hoặc doanh nghiệp cảng biển
- (2). Năm báo cáo
- (3). Địa danh nơi lập văn bản
- (4). Tên cơ quan tiếp nhận báo cáo
- (5). Người đại diện có thẩm quyền của (1)

.....(5).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Biểu mẫu số 02-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 22 tháng 12 hàng năm

Đơn vị báo cáo:Cảng vụ Hàng hải, Chủ sở hữu
người ủy quyền công trình HH**Đơn vị nhận báo cáo:**

Cục HHVN (Phòng CTHH)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ VÀ SỰ AN TOÀN CỦA CÔNG TRÌNH HÀNG NĂM

Kính gửi: ...(4).....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, ...(1)... kính báo cáo ...(4)... kết quả thực hiện việc bảo trì và sự an toàn của công trình hàng năm của...(2)... như sau:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Đơn vị tư vấn	Điều chỉnh so với kế hoạch	Mức độ hoàn thành (%)	Đánh giá sự an toàn của cầu/bến cảng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Ghi chú:

- (1). Tên Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải khu vực hoặc doanh nghiệp cảng biển
- (2). Tên khu vực cảng biển hoặc cảng biển
- (3). Địa danh nơi lập văn bản
- (4). Tên cơ quan tiếp nhận báo cáo
- (5). Người đại diện có thẩm quyền của (1)

.....(5).....
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Biểu số 03-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 25 tháng 12 hàng năm

Đơn vị báo cáo:

Cục HH Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Giao thông vận tải

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU
HẠ TẦNG HÀNG HẢI**

Kính gửi: ...(4).....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, ...(1)... kính báo cáo ...(4)... tình hình thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải của(2).....như sau:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Những điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- (1). Tên Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải khu vực hoặc doanh nghiệp cảng biển
- (2). Tên khu vực cảng biển hoặc cảng biển
- (3). Địa danh nơi lập văn bản
- (4). Tên cơ quan tiếp nhận báo cáo
- (5). Người đại diện có thẩm quyền của (1)

.....(5).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Biểu số 04-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 22 tháng 12 hàng năm

Đơn vị báo cáo:

Chủ sở hữu công trình;

Sở Giao thông vận tải

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Giao thông vận tải

Ủy Ban nhân dân tỉnh

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU
HẠ TẦNG HÀNG HẢI**

Kính gửi: ...(4).....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, ...(1)... kính báo cáo ...(4)... tình hình thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải của(2).....như sau:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Những điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- (1). Tên Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải khu vực hoặc doanh nghiệp cảng biển
- (2). Tên khu vực cảng biển hoặc cảng biển
- (3). Địa danh nơi lập văn bản
- (4). Tên cơ quan tiếp nhận báo cáo
- (5). Người đại diện có thẩm quyền của (1)

.....(5).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Biểu số 05-N

Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 18 tháng 12 năm sau
 Ngày 22 tháng 12 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Doanh nghiệp cảng,
 Cảng vụ Hàng hải
Đơn vị nhận báo cáo:
 Cảng vụ HH
 Cục HHVN (Phòng KHCNMT)

BÁO CÁO HÀNG NĂM TÌNH HÌNH QUẢN LÝ THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI TỪ TÀU THUYỀN

Kính gửi: ...(4)....

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2020/TT-BGTVT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải, ...(1)... kính báo cáo ...(4)... tình hình thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại ...(2)... như sau:

1. Tổng hợp kết quả thực hiện

STT	Loại chất thải thu gom (*)	Khối lượng chất thải thu gom		Tổ chức, cá nhân thu gom và xử lý	Ghi chú
		m ³	kg		

(*) Loại chất thải được liệt kê theo phân loại chất thải tại Điều 3 của Thông tư 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017.

2. Thông tin về sự không phù hợp của dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển quản lý:

.....

Ghi chú:

- (1). Tên Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải khu vực hoặc doanh nghiệp cảng biển
- (2). Tên khu vực cảng biển hoặc cảng biển
- (3). Địa danh nơi lập văn bản
- (4). Tên cơ quan tiếp nhận báo cáo
- (5). Người đại diện có thẩm quyền của (1)

.....(5).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Biểu số 06-6T/N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 18 tháng 6 kỳ báo cáo;

Ngày 18 tháng 12 kỳ báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ Hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng CTHH)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TAI NẠN HÀNG HẢI
6 Tháng, 01 năm

Phân loại tai nạn	Số vụ tai nạn				Số người chết, mất tích (người)	Số người bị thương (người)	Tổn thất vật chất
	Đặc biệt nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Ít nghiêm trọng	Cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
TỔNG SỐ							a/ Phương tiện, công trình GTVT:
I. Trong đó chia ra:							
- Tàu trong nước							
- Tàu nước ngoài							
II. Trong đó chia ra:							
- Mất tích							b/ Hàng hóa:
- Đâm va							
- Va chạm							
- Mắc cạn							
- Cháy							c/ Chi phí sửa chữa
- Nổ							
- Thùng vỡ							
- Tràn dầu							d/ Môi trường:
- Lật tàu							
- Chìm đắm							
- Tai nạn khác							

